

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2022/DS-ST

Ngày: 22 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Nguyễn Việt Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 501/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Mai Chí Q, sinh năm 1994;

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Lê Thúy H, sinh năm 1982 (Có mặt);

Cùng cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C.

*Bị đơn:* Chị Phạm Thanh T, sinh năm 1972; Cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2022 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Lê Thúy H trình bày:*

- Vào ngày 10/02/2020 âm lịch, chị Phạm Thanh T có mở dây hui loại 2.000.000 đồng, gồm 28 phần, mỗi tháng khai hui 01 lần, anh Mai Chí Q tham gia 01 phần, đến kỳ hui thứ 21 (Ngày 10/11/2021 âm lịch) anh Q bỏ hui giá 2.300.000 đồng, hót hui được số tiền 42.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị T không giao số tiền hui này cho anh Q mặc dù anh Q đã yêu cầu nhiều lần.

Nay anh Q yêu cầu Tòa án buộc chị T trả cho anh Q số tiền hui đã hót được là 42.000.000 đồng.

- Dây hui bị chị T ngừng vào ngày 10/11/2021 âm lịch. Trường hợp dây hui mãn thì mãn vào ngày 10/4/2022 âm lịch.

- Anh Q còn nợ lại chị T 06 kỳ hui chết (Từ tháng 12/2021 âm lịch đến tháng 4/2022 âm lịch) với tổng số tiền 13.800.000 đồng (2.000.000 đồng x 6 kỳ và giao cho 06 người hui sống tại kỳ hui mà anh Q đã hót số tiền 1.800.000 đồng),

nhưng do chị T không giao tiền hụi cho anh Q nên anh Q không đồng ý cản trừ tiền hụi chết chưa đóng vào tiền hụi đã hốt. Nếu chị T giao tiền hụi cho anh Q thì anh Q sẽ đóng hụi chết hàng tháng cho chị T cho đến khi hết số tiền 13.800.000 đồng.

*Tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thanh T trình bày:*

- Chị Phạm Thanh T thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thúy H về việc anh Mai Chí Q chơi hụi, số tiền hụi anh Q hốt được là 42.000.000 đồng, chị T chưa giao tiền hụi đã hốt cho anh Q. Chị T thừa nhận còn nợ anh Q số tiền 42.000.000 đồng.

- Do hiện nay những người tham gia hụi khác không đóng tiền hụi cho chị, dẫn đến việc chị phải ngừng dây hụi nên chị không có khả năng trả tiền theo yêu cầu của anh Q. Chị xin anh Q cho chị trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 42.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Mai Chí Q đòi bị đơn chị Phạm Thanh T trả nợ hụi số tiền 42.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất xác định: Vào ngày 10/02/2020 âm lịch, chị Phạm Thanh T có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 28 phần, mỗi tháng khai hụi 01 lần, anh Mai Chí Q tham gia 01 phần, đến kỳ hụi thứ 21 (Ngày 10/11/2021 âm lịch) anh Q bỏ hụi giá 2.300.000 đồng, lĩnh hụi được số tiền 42.000.000 đồng, chị T chưa giao tiền hụi cho anh Q, chị T thừa nhận còn nợ anh Q số tiền 42.000.000 đồng.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do chị T thừa nhận còn nợ anh Q số tiền 42.000.000 đồng nên anh Q không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Q, buộc bị đơn chị T trả cho anh Q số tiền 42.000.000 đồng.

[2] Đối với số tiền hụi chết còn lại anh Q còn nợ chị T: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Theo đó, chị T phải chịu án phí số tiền 2.100.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Các Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

*Tuyên xử:*

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Chí Q.**

Buộc chị Phạm Thanh T trả cho anh Mai Chí Q số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

**2. Về án phí:**

- Chị Phạm Thanh T phải chịu án phí số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng), chưa nộp.

- Anh Mai Chí Quyền không phải chịu án phí. Ngày 06/7/2022, anh Q đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0005092 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

**3. Về nghĩa vụ thi hành án:**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Lê Thị Hồng Hà**